

Số: /KH-UBND

Lai Châu, ngày tháng năm 2020

KẾ HOẠCH

Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin tỉnh Lai Châu, giai đoạn 2021-2025

PHẦN I:

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN GIAI ĐOẠN 2016-2020

I. Môi trường pháp lý

Để tạo môi trường pháp lý thuận lợi cho việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng Chính quyền điện tử giai đoạn 2016 - 2020, UBND tỉnh đã ban hành các kế hoạch, định hướng cho sự phát triển của công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh như:

- Quyết định số 1608/QĐ-UBND ngày 23/11/2016 về việc Phê duyệt Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin của các cơ quan nhà nước tỉnh Lai Châu giai đoạn 2016 - 2020;

- Quyết định số 04/2016/QĐ-UBND ngày 28/3/2016 quy định đảm bảo an toàn, an ninh thông tin trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

- Chỉ thị số 05/CT-UBND ngày 17/4/2017 về tăng cường công tác đảm bảo an toàn thông tin mạng trong hoạt động của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

- Quyết định số 1520/QĐ-UBND ngày 22/11/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu về việc Phê duyệt điều chỉnh quy hoạch phát triển bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin tỉnh Lai Châu đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030;

- Quyết định 1713/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu về việc Phê duyệt kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh Lai Châu;

- Kế hoạch hành động số 1275/KH-UBND ngày 05/7/2019 của UBND tỉnh Lai Châu về việc thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến 2025;

- Quyết định số 10/2019/QĐ-UBND ngày 20/6/2019 của UBND tỉnh Lai Châu về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng chữ ký số, chứng thư số trong

cơ quan nhà nước tỉnh Lai Châu;

- Quyết định số 12/2019/QĐ-UBND ngày 16/7/2019 của UBND tỉnh Lai Châu về việc ban hành Quy chế tiếp nhận, xử lý, phát hành và quản lý văn bản điện tử trên Hệ thống phần mềm quản lý văn bản và điều hành giữa các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

- Quyết định số 13/2019/QĐ-UBND ngày 22/7/2019 của UBND tỉnh Lai Châu về việc ban hành Quy chế quản lý, sử dụng Hệ thống thư điện tử công vụ trong cơ quan nhà nước tỉnh Lai Châu;

- Kế hoạch số 1198/KH-UBND ngày 15/6/2020 về việc thúc đẩy phát triển doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh Lai Châu, giai đoạn 2021 - 2025 và 2026 - 2030 đã cụ thể hóa và triển khai các giải pháp đề ra trong Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 14/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ về thúc đẩy phát triển doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam;

- Kế hoạch số 688/KH-UBND ngày 06/4/2020 của UBND tỉnh Lai Châu về việc Thực hiện Chương trình hành động số 40-CTr/TU, ngày 28/12/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW, ngày 27/09/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư nhằm tận dụng có hiệu quả các cơ hội do cuộc CMCN 4.0 đem lại để thúc đẩy quá trình đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế gắn với thực hiện các đột phá chiến lược; hình thành và phát triển mạnh mẽ kinh tế số; phát triển nhanh và bền vững dựa trên khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và nhân lực chất lượng cao; nâng cao chất lượng cuộc sống, phúc lợi của người dân; bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường sinh thái;

- Kế hoạch số 1850/KH-UBND ngày 03/9/2020 của UBND tỉnh Lai Châu về việc Triển khai thực hiện Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 29/4/2020 của Chính phủ về việc quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Lai Châu nhằm triển khai có hiệu quả các nội dung, quy định của Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước tại tỉnh Lai Châu;

- Kế hoạch số 1344/KH-UBND ngày 06/7/2020 của UBND tỉnh Lai Châu về việc Phát triển thương mại điện tử tỉnh Lai Châu giai đoạn 2021-2025 nhằm Xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện toàn diện, đồng bộ các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp cụ thể về phát triển thương mại điện tử phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương nhằm khẳng định vai trò quan trọng của phát triển thương mại điện tử trong sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, góp phần tạo môi trường kinh doanh minh bạch cho thị trường mua sắm trực tuyến, cũng như tạo thói quen tiêu dùng, mua sắm hiện đại của nhân dân;

II. Hạ tầng kỹ thuật

- Trang bị máy tính cho cán bộ, công chức cấp tỉnh, cấp huyện đảm bảo

100%; Cán bộ, công chức cấp xã đạt 70.79%.

- Tỷ lệ cài đặt phần mềm diệt Virus bản quyền có trả phí đạt 55.13%.
- 100% các cơ quan, đơn vị đã kết nối mạng LAN. Chưa có kết nối mạng WAN trên phạm vi toàn tỉnh. 100% các cơ quan, đơn vị kết nối mạng internet.
- 95% các sở, ban, ngành tỉnh; 100% UBND cấp huyện đã kết nối mạng Truyền số liệu chuyên dùng. Chưa triển khai đường truyền số liệu chuyên dùng đến cấp xã.
- Trung tâm dữ liệu tỉnh đã được xây dựng đáp ứng theo tiêu chuẩn TCVN 9250:2012.
- Hạ tầng kỹ thuật CNTT của tỉnh chưa triển khai mô hình điện toán đám mây.

III. Các hệ thống nền tảng

- Hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến của tỉnh đã triển khai đến 128 điểm cầu, ngoài ra còn ứng dụng các hệ thống học trực tuyến, họp trực tuyến theo các hình thức Web Conferencing, Video Conference...
- Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh phiên bản 1.0 đã được xây dựng và đưa vào thực hiện giai đoạn 3. Để tiếp tục phù hợp với Kiến trúc Chính phủ điện tử phiên bản 2.0, Sở Thông tin và Truyền thông đang tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu xây dựng Kiến trúc Chính quyền điện tử phiên bản 2.0.
- Tỉnh chưa xây dựng LGSP, đang thực hiện kết nối Cổng dịch vụ công trực tuyến tích hợp một cửa điện tử tỉnh với hệ thống thanh toán trực tuyến napas và bưu chính công ích qua hệ thống LGSP do Bộ Thông tin và Truyền thông cung cấp.

IV. Phát triển dữ liệu

Trên địa bàn tỉnh đã có cơ sở dữ liệu của các sở, ban, ngành và địa phương như:

- Cơ sở dữ liệu quốc gia báo cáo công tác thanh tra, khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng và hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về khiếu nại, tố cáo do Thanh tra Chính phủ xây dựng.
- Cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức do Sở nội vụ xây dựng.
- Cơ sở dữ liệu về năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân (phần mềm QL năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân).
- Cơ sở dữ liệu thống kê ngành xây dựng (Hệ thống thông tin thống kê ngành xây dựng).
- Cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản (hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản).
- Cơ sở dữ liệu về công tác dân tộc do Ban dân tộc triển khai, thực hiện.
- Hệ thống CSDL năng lượng quốc gia (dataenergy.vn); Cơ sở dữ liệu hóa chất quốc gia (chemicaldata.gov.vn); Hệ thống CSDL Văn phòng đại diện, chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam (vpdd.dvctt.gov.vn); Cơ sở dữ liệu về bán hàng đa cấp.

- CSDL chuyên ngành tài chính do Sở Tài chính xây dựng và vận hành.
- CSDL quốc gia trong lĩnh vực đăng ký doanh nghiệp, đấu thầu, giám sát đánh giá đầu tư chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước do Bộ Kế hoạch và Đầu tư triển khai tại địa phương, Sở Kế hoạch và Đầu tư vận hành.
- CSDL cung - cầu lao động (Người tìm việc, việc tìm người); CSDL Quản lý thông tin trẻ em tại cơ sở; CSDL Hệ thống thông tin trợ giúp xã hội và giảm nghèo; CSDL thông tin mộ và nghĩa trang liệt sĩ do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội vận hành.
- CSDL đất đai huyện Phong Thổ, Sìn Hồ, Thành phố Lai Châu do Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng và vận hành.
- CSDL về công chứng, chứng thực hợp đồng giao dịch liên quan đến bất động sản, CSDL về hộ tịch do Sở Tư pháp xây dựng và vận hành.

V. Các ứng dụng, dịch vụ

- Hệ thống thư công vụ tỉnh đã cấp cho 4803 cá nhân, tổ chức trong toàn tỉnh, đảm bảo an toàn bảo mật trong giao dịch điện tử trên môi trường mạng. Hệ thống thư điện tử tỉnh đã hỗ trợ tốt hoạt động chỉ đạo điều hành và phối hợp công tác của cơ quan, tổ chức trong tỉnh đem lại hiệu quả thiết thực.
- Hệ thống quản lý văn bản và điều hành kết nối liên thông tất cả các cấp chính quyền, các ban ngành đoàn thể và các tổ chức hội do tỉnh thành lập đã thực hiện việc kết nối với Chính phủ trên Trục liên thông văn bản quốc gia. Tính đến nay đã thiết lập cho 698 cơ quan với tổng số tài khoản là 8200 tài khoản.
- Các văn bản chỉ đạo, điều hành (trừ văn bản mật) đều được gửi nhận điện tử trong tỉnh và liên thông với các Bộ, ngành, địa phương tính đến 07/9/2020, tổng số văn bản điện tử là 1.201.597 văn bản (Trong đó: 1.166.426 văn bản đến; 35.171 văn bản đi), góp phần giảm đáng kể chi phí thời gian gửi, nhận văn bản điện tử, thời gian xử lý công việc nâng cao năng suất lao động, chất lượng, hiệu quả.
- Triển khai ứng dụng chữ ký số cho tất cả cơ quan, tổ chức, cá nhân, tích hợp trên các hệ thống quản lý văn bản điều hành, hệ thống Cổng dịch vụ công trực tuyến tích hợp một cửa điện tử, Hệ thống thanh toán tài chính của Kho bạc, Bảo hiểm.... Đến nay, tỉnh Lai Châu đã cấp 2356 chữ ký số, trong đó 1839 chữ ký số cá nhân, 515 chữ ký số của tổ chức. Cùng với đó đã triển khai cấp 135 ký số trên thiết bị di động cho cá nhân. Tạo điều kiện cho các cá nhân, tổ chức xử lý điều hành công việc mọi lúc, mọi nơi, nhanh chóng, kịp thời.
- Cổng dịch vụ công trực tuyến tích hợp một cửa điện tử cung cấp: 2078 dịch vụ công trực tuyến, trong đó: Mức độ 2 là 1938, mức độ 3 là 66, mức độ 4 là 74. Tổng số hồ sơ tiếp nhận và giải quyết dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4 là: 3470 hồ sơ.
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh với tổng lượt truy cập 1.174.703, là kênh thông tin chính thống của UBND tỉnh, cung cấp tin bài về các hoạt động của tỉnh

đảm bảo 24/7. Cổng thông tin đối ngoại, các Trang thông tin điện tử của Sở, ngành, địa phương được cập nhật đầy đủ; các tin tức sự kiện, văn bản pháp quy, thủ tục hành chính, thông báo.... Tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp tiếp cận thông tin liên tục, kịp thời.

- Các ứng dụng công nghệ thông tin chuyên ngành Y tế, Giáo dục, Công thương, Giao thông vận tải, Nội vụ, Tài chính, Tư pháp...được đưa vào sử dụng rộng rãi và mang lại hiệu quả thiết thực.

- Tỉnh chưa có Hệ thống thông tin báo cáo cấp tỉnh.

VI. Nguồn nhân lực

- Tỷ lệ cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh đạt 0.96 người/1 cơ quan, đơn vị.

- 100% cán bộ, công chức của cơ quan nhà nước có chứng chỉ ứng dụng CNTT theo Chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản trở lên theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hoặc chứng chỉ tin học ứng dụng A, B, C đã cấp.

- Tỷ lệ CBCC cấp tỉnh, cấp huyện thường xuyên sử dụng máy tính để xử lý công việc là 100%, cấp xã là 70%.

- 100% cán bộ chuyên trách và bán chuyên trách được tập huấn về công nghệ thông tin và an toàn thông tin. Tỷ lệ cán bộ không chuyên trách CNTT được tập huấn là 44% tập huấn về các ứng dụng dùng chung của tỉnh như hệ thống quản lý văn bản và điều hành, dịch vụ công trực tuyến, chữ ký số...

VII. An toàn thông tin

- UBND tỉnh đã xây dựng kế hoạch thuê dịch vụ kiểm tra, đánh giá về an toàn thông tin mạng đối với các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh lồng ghép trong thực hiện đầu tư, triển khai các hệ thống thông tin, bao gồm: *Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành, Hệ thống Cổng thông tin điện tử tỉnh, Hệ thống Quản lý cán bộ, công chức, viên chức, Cổng dịch vụ công trực tuyến - Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh...* Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh đang được Trung tâm công nghệ thông tin và truyền thông đánh giá, đề xuất cấp độ.

- Năm 2020, hệ thống phát hiện và cảnh báo, ngăn chặn tấn công, đảm bảo an toàn thông tin tại Trung tâm tích hợp dữ liệu đã được đầu tư, lắp đặt, đang thực hiện kết nối với Trung tâm giám sát an toàn không gian mạng quốc gia.

- Tỉnh đã thực hiện triển khai bảo đảm an toàn thông tin cho hệ thống thông tin thuộc phạm vi quản lý theo mô “4 lớp”. Bước đầu đã thực hiện lớp 1 là: Lực lượng tại chỗ và đang thực hiện lớp 4 là: Kết nối, chia sẻ thông tin với hệ thống giám sát quốc gia.

- Thực hiện Thông tư số 27/2011/TT-BTTTT ngày 04 tháng 10 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về điều phối các hoạt động ứng cứu sự cố mạng Internet Việt Nam; Quyết định số 05/2017/QĐ-TTg ngày 16/3/2017 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành quy định về hệ thống phương án ứng cứu khẩn

cấp bảo đảm an toàn thông tin mạng quốc gia; UBND tỉnh Lai Châu đã ban hành quyết định số 967/QĐ-UBND ngày 06/9/2017 về việc thành lập đội ứng cứu sự cố mạng, máy tính tỉnh Lai Châu, do đồng chí Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông làm đội trưởng. Đội ứng cứu xây dựng quy chế, kế hoạch hoạt động và là đầu mối của tỉnh trong mạng lưới ứng cứu sự cố máy tính trên toàn quốc.

- Đề thuận tiện cho việc trao đổi, chia sẻ thông tin về cảnh báo lỗ hổng, điểm yếu ATTT, các nguy cơ gây mất an toàn, an ninh mạng, việc lợi dụng mạng để kích động, lôi kéo người dân tham gia tụ tập, gây rối trật tự công cộng làm ảnh hưởng đến an ninh và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh Lai Châu, tỉnh đã cử cán bộ là đầu mối liên lạc, phối hợp an toàn thông tin và tình hình trật tự, an toàn trên địa bàn tỉnh là đồng chí trực tiếp phụ trách mảng công nghệ thông tin, có chuyên môn, nghiệp vụ và khả năng nắm bắt nhanh chóng tình hình trên địa bàn tỉnh để cung cấp thông tin nhanh chóng và chính xác.

- Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 1572/KH-UBND ngày 19/8/2016 của UBND tỉnh Lai Châu ban hành kế hoạch thực hiện Đề án "Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức và trách nhiệm về an toàn thông tin đến năm 2020" trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

- Thực hiện chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 25/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về nâng cao năng lực phòng, chống phần mềm độc hại, Sở Thông tin và Truyền thông đã tham mưu cho UBND tỉnh công văn 1772/UBND-VX ngày 06/11/2018 về việc triển khai, thực hiện Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 25/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định rõ trách nhiệm của các sở, ban, ngành trong việc thực hiện nâng cao năng lực phòng và chống phần mềm độc hại như:

- + Khẩn trương phân loại, xác định cấp độ an toàn hệ thống thông tin và xây dựng phương án đảm bảo an toàn hệ thống thông tin của đơn vị theo cấp độ.

- + Tăng cường sử dụng chữ ký số cho văn bản điện tử để gửi, nhận văn bản điện tử trong các cơ quan nhà nước.

- + Có giải pháp phòng, chống mã độc bảo vệ cho 100% máy chủ, máy trạm, thiết bị đầu cuối liên quan và có cơ chế tự động cập nhật phiên bản hoặc dấu hiệu nhận dạng mã độc mới.

- + Yêu cầu các dự án, hạng mục đầu tư cho ứng dụng CNTT trên địa bàn tỉnh phải có cấu phần phù hợp cho giải pháp bảo đảm an toàn thông tin, giải pháp phòng chống mã độc.

- + Quy định rõ trách nhiệm của các đơn vị trong công tác tuyên truyền và phối hợp trong việc thực hiện phòng, chống phần mềm độc hại.

- Tham gia diễn tập về an toàn thông tin với các đơn vị chuyên trách về ATTT như Cục An toàn thông tin, VNCERT, Trung tâm CNTT&GSANM - Ban Cơ yếu Chính phủ, BKav ... trong việc cảnh báo, ngăn chặn và xử lý các loại mã độc, các tình huống tấn công làm ảnh hưởng đến an toàn thông tin của cơ quan, đơn vị.

- Tỉnh đã hoàn thiện triển khai lắp đặt hệ thống giám sát, điều hành, an toàn, an ninh mạng (SOC) tại Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh kết nối với Trung tâm giám sát an toàn không gian mạng quốc gia.

VIII. Kinh phí thực hiện

Phụ lục I: Tình hình thực hiện Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước tỉnh Lai Châu, giai đoạn 2016 - 2020.

PHẦN II:

NỘI DUNG KẾ HOẠCH

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

- Luật Công nghệ thông tin;
- Luật Giao dịch điện tử;
- Luật An toàn thông tin;
- Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước;
- Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;
- Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ Quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước;
- Nghị quyết số 73/NQ-CP ngày 26/8/2016 của Chính phủ về việc phê duyệt Chủ trương đầu tư các Chương trình mục tiêu giai đoạn 2016-2020;
- Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg ngày 12/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc gửi, nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước;
- Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC;
- Quyết định số 1520/QĐ-UBND ngày 22/11/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu về việc Phê duyệt điều chỉnh quy hoạch phát triển bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin tỉnh Lai Châu đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030;
- Quyết định số 1713/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu về việc Phê duyệt kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh Lai Châu;
- Kế hoạch hành động số 1275/KH-UBND ngày 05/7/2019 của UBND tỉnh Lai Châu về việc thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến 2025.
- Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư;
- Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ ban

hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW;

- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng năm 2030;

- Quyết định số 2323/BTTTT-THH ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, phiên bản 2.0;

- Căn cứ công văn số 2606/BTTTT-THH-ATTT ngày 15/7/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc Hướng dẫn xây dựng Kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển Chính phủ số/Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng giai đoạn 2021-2025 và Kế hoạch năm 2021.

Căn cứ kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ năm 2020, UBND tỉnh Lai Châu đề xuất mục tiêu ứng dụng CNTT, phát triển chính quyền số năm 2021 phù hợp, hướng tới thực hiện thành công Kế hoạch ứng dụng CNTT, phát triển chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin, giai đoạn 2021 - 2025.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Hoàn thiện nền tảng cơ bản xây dựng Chính quyền điện tử thành phố Lai Châu hướng tới Chính quyền số nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước và chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Hình thành một số dịch vụ đô thị thông minh tỉnh Lai Châu, mang lại tiện ích, an toàn, thân thiện cho người dân trên nền tảng công nghệ chủ chốt của cuộc cách mạng 4.0.

Bảo đảm an toàn thông tin và an ninh mạng.

Phát triển chính quyền số, nâng cao hiệu lực hiệu quả hoạt động của cơ quan nhà nước, góp phần phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số.

Nâng cao vị trí xếp hạng ICT index của tỉnh Lai Châu về mức độ sẵn sàng cho phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin cho phát triển Chính phủ điện tử.

2. Mục tiêu cụ thể

100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 phổ biến, liên quan tới nhiều người dân, doanh nghiệp được tích hợp lên Cổng Dịch vụ công quốc gia; 100% giao dịch trên Cổng Dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh được xác thực điện tử.

40% số lượng người dân và doanh nghiệp tham gia hệ thống Chính quyền điện tử được xác thực danh điện tử thông suốt và hợp nhất trên tất cả các hệ thống thông tin của các cấp chính quyền.

Bảo đảm cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4, ít nhất đạt mục tiêu 30% trong năm 2021 và triển khai theo mô hình nền tảng để tiết kiệm chi phí, thời

gian; hướng tới giai đoạn 2021 - 2025 hầu hết các dịch vụ công được cung cấp trực tuyến mức độ 4.

Tỷ lệ hồ sơ giải quyết theo dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 trên tổng số hồ sơ đạt từ 50% trở lên; 80% thủ tục hành chính đáp ứng yêu cầu được triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4; tích hợp 50% các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 của tỉnh với Cổng Dịch vụ công quốc gia; tối thiểu 90% người dân và doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính.

60% các hệ thống thông tin của tỉnh có liên quan đến người dân, doanh nghiệp đã đưa vào vận hành, khai thác được kết nối, liên thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu; thông tin của người dân, doanh nghiệp đã được số hóa và lưu trữ tại các cơ sở dữ liệu quốc gia không phải cung cấp lại.

90% hồ sơ công việc tại tỉnh, 80% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 60% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật).

80% báo cáo định kỳ (không bao gồm nội dung mật) của các cơ quan hành chính nhà nước được cập nhật, chia sẻ trên Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh, phục vụ hiệu quả hoạt động quản lý, chỉ đạo, điều hành.

Triển khai nhân rộng Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc của tỉnh đến các cấp chính quyền; đến cuối năm 2025, phấn đấu 100% cấp huyện, 100% cấp xã thực hiện họp thông qua hệ thống tại các cuộc họp của Ủy ban nhân dân.

Triển khai hoàn thiện và duy trì bảo đảm ATTT theo mô hình 4 lớp; Xác định và bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ; Bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; Đào tạo, tập huấn, diễn tập về bảo đảm ATTT; Tuyên truyền nâng cao nhận thức về ATTT; Ứng cứu, khắc phục sự cố về ATTT.

III. NHIỆM VỤ

1. Hoàn thiện môi trường pháp lý

Xây dựng danh mục cơ sở dữ liệu của tỉnh.

Xây dựng kế hoạch và triển khai cung cấp dữ liệu mở.

Xây dựng quy chế khai thác, sử dụng, chia sẻ cơ sở dữ liệu của tỉnh.

Xây dựng Đề án, chương trình, kế hoạch để triển khai thực hiện ứng dụng công nghệ số, hệ thống quản trị thông minh trên địa bàn tỉnh.

Xây dựng Kế hoạch triển khai xây dựng và phát triển thành phố Lai Châu trở thành thành phố thông minh giai đoạn 2020-2025 và định hướng đến năm 2030.

Ban hành Quy chế hoạt động của Cổng DVC tích hợp một cửa điện tử tỉnh và Cổng Thông tin điện tử tỉnh; sửa đổi, bổ sung Quy chế tiếp nhận, xử lý, phát hành và quản lý văn bản điện tử;

Triển khai, hướng dẫn cụ thể các nội dung về ATTT theo hướng quy định

trách nhiệm bảo đảm ATTT đối với tổ chức, cá nhân; có các biện pháp bảo đảm ATTT, an ninh mạng; thực hiện việc đề xuất, phê duyệt kế hoạch đảm bảo ATTT theo cấp độ đối với tất cả các HTTT.

Hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Luật An ninh mạng trên địa bàn tỉnh.

Xây dựng, cập nhật bộ mã định danh điện tử của các cơ quan, tổ chức thống nhất theo tiêu chuẩn quy định, đảm bảo phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu của tất cả các HTTT, CSDL.

2. Phát triển hạ tầng kỹ thuật

Tái cấu trúc hạ tầng công nghệ thông tin của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố theo hướng kết hợp giữa mô hình tập trung và mô hình phân tán dựa trên công nghệ điện toán đám mây, tối ưu hóa hạ tầng công nghệ thông tin theo khu vực thực hiện thuê dịch vụ của các nhà cung cấp hàng đầu tại Việt Nam nhằm khai thác sử dụng hiệu quả hạ tầng hiện có, đồng thời tăng cường khả năng bảo mật, sao lưu, phòng chống thảm họa, bảo đảm vận hành ổn định, an toàn thông tin, an ninh mạng của các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu.

Triển khai kết nối Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước đến các hệ thống mạng của các cơ quan trong tỉnh. Rà soát và triển khai mở rộng, kết nối mạng đến cấp phường, xã và các đối tượng theo yêu cầu, phù hợp với phạm vi và tính chất ứng dụng của Chính quyền điện tử, bảo đảm các yêu cầu về kỹ thuật, kết nối, an toàn thông tin, tiếp tục phát triển, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ trong giai đoạn 2021-2025.

3. Phát triển các hệ thống nền tảng

Cập nhật Kiến trúc Chính quyền điện tử cấp tỉnh (phiên bản 2.0) phù hợp với Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam sau khi Chính phủ ban hành, thường xuyên cập nhật các phiên bản tiếp theo phù hợp với các phiên bản cập nhật Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam; triển khai áp dụng Kiến trúc Chính quyền điện tử cấp tỉnh đã được ban hành trong quá trình xây dựng Chính quyền điện tử.

Xây dựng, phát triển Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu dùng chung của tỉnh và làm nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu với quốc gia.

4. Phát triển dữ liệu

Phát triển dữ liệu, sử dụng lại tối đa các dữ liệu, thông tin từ các cơ sở dữ liệu mà các Bộ, ngành Trung ương đã đưa vào sử dụng. Xây dựng các cơ sở dữ liệu tại địa phương, cần bảo đảm tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chuyên ngành và các quy định tại Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ, cụ thể như:

- Tiếp tục duy trì sử dụng hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia báo cáo công tác thanh tra, khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng và hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về khiếu nại, tố cáo do Thanh tra Chính phủ xây dựng.

- Tiếp tục duy trì và phát triển các cơ sở dữ liệu đang triển khai thực hiện gồm: Cơ sở dữ liệu về năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân (phần mềm QL năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân); Cơ sở dữ liệu thống kê ngành xây dựng (Hệ thống thông tin thống kê ngành xây dựng); Cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản (hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản).

- Xây dựng CSDL về quản lý đất đai, CSDL về tài nguyên môi trường tại UBND các huyện, thành phố.

- Tiếp tục duy trì, khai thác hệ thống thông tin dữ liệu về công tác dân tộc trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

- Tiếp tục triển khai ứng dụng các hệ thống thông tin chuyên ngành do Bộ Công Thương triển khai để cập nhật các thông tin và báo cáo định kỳ theo quy định như: Hệ thống CSDL năng lượng quốc gia (dataenergy.vn); Cơ sở dữ liệu hóa chất quốc gia (chemicaldata.gov.vn); Hệ thống CSDL Văn phòng đại diện, chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam (vpdd.dvctt.gov.vn); Trang Thông tin quản lý bán hàng đa cấp (vca.gov.vn)...

Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia trong lĩnh vực đăng ký doanh nghiệp, đấu thầu, giám sát đánh giá đầu tư chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước.

- Triển khai thực hiện Phần mềm Quản lý số liệu tuyển sinh, tốt nghiệp và giải quyết việc làm trong hệ thống Giáo dục nghề nghiệp do Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp xây dựng.

- Tiếp tục triển khai xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai cấp tỉnh theo hướng hiện đại, vận hành theo mô hình tập trung với các phần mềm, thiết bị chuyên dụng; đào tạo và chuyển giao công nghệ cho cán bộ ngành tài nguyên từ tỉnh đến cơ sở tiến tới cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thông qua hệ thống thông tin địa lý đã có. Thực hiện xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai huyện Than Uyên, Tân Uyên, Tam Đường, Mường Tè; xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai các xã biên giới; xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia.

- Thực hiện tạo lập cơ sở dữ liệu trên cơ sở lưu trữ điện tử. Đưa các dữ liệu vào cơ sở dữ liệu để quản lý và khai thác, sử dụng, chuyển đổi dữ liệu dạng số sang dạng có cùng cấu trúc thiết kế cơ sở dữ liệu (về khoáng sản, tài nguyên nước, khí tượng thủy văn, đo đạc bản đồ theo Kế hoạch số 1437/KHUBND ngày 23/7/2019 của UBND tỉnh).

- Xây dựng cơ sở dữ liệu về dân cư; đăng ký doanh nghiệp; cơ sở dữ liệu chuyên ngành quan trọng của ngành tài chính; cơ sở dữ liệu về an sinh xã hội; tài nguyên môi trường... phục vụ chia sẻ, kết nối Cổng thông tin một cửa quốc gia giai đoạn 2019-2020.

- Kết nối, liên thông cơ sở dữ liệu chuyên ngành với Hệ thống dịch vụ công - hệ thống một cửa điện tử phục vụ người dân, doanh nghiệp, triển khai trong giai

đoạn 2019 - 2020, tiếp tục phát triển hoàn thiện trong giai đoạn 2021-2025.

5. Phát triển các ứng dụng, dịch vụ

Triển khai Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến của tỉnh phục vụ họp và xử lý công việc của tỉnh, phục vụ chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh để rút ngắn thời gian họp, giảm giấy tờ hành chính và nâng cao hiệu lực, hiệu quả chỉ đạo, điều hành của người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước.

Triển khai Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc của Chính phủ tại Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, đưa vào vận hành trong năm 2020, tiếp tục phát triển hoàn thiện trong giai đoạn 2021 - 2025.

Tổ chức triển khai Kế hoạch thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính. Xây dựng, hoàn thiện Cổng Dịch vụ công, Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh, tổ chức thực hiện kết nối, tích hợp chia sẻ dữ liệu với Cổng Dịch vụ công quốc gia thông qua cơ chế đăng nhập một lần từ Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Xây dựng Hệ thống thông tin báo cáo để tích hợp, chia sẻ dữ liệu báo cáo trong các cơ quan hành chính nhà nước nhằm tổng hợp thông tin vào kho dữ liệu chung, phân tích dữ liệu, hỗ trợ ra quyết định phục vụ chỉ đạo, điều hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, cơ quan hành chính nhà nước các cấp và hỗ trợ đánh giá hiệu quả thực hiện nhiệm vụ được giao.

Tổ chức chuẩn hóa cấu trúc, hệ thống hóa mã định danh, thực hiện số hóa dữ liệu và cung cấp danh mục dữ liệu đã được số hóa theo quy định để tích hợp, chia sẻ giữa các hệ thống thông tin của các cơ quan nhà nước bảo đảm dữ liệu được thu thập một lần.

Tiếp tục đẩy mạnh sử dụng có hiệu quả các ứng dụng dùng chung của tỉnh, như: Hệ thống thư điện tử; Phần mềm QLVBDH; Hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến; ... phục vụ công tác chỉ đạo và điều hành.

Đẩy mạnh ứng dụng chữ ký số chuyên dùng và văn bản điện tử theo quy định tại Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg ngày 12/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc gửi, nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước. Nâng cao tỷ lệ trao đổi văn bản dưới dạng điện tử giữa các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

Xây dựng các kênh tương tác trực tuyến để người dân tham gia, giám sát hoạt động xây dựng, thực thi chính sách, pháp luật, ra quyết định của cơ quan nhà nước.

Triển khai Kiến trúc Chính quyền điện tử, phiên bản 2.0 cấp tỉnh đã được ban hành phù hợp Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam.

- Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án tăng cường ứng dụng CNTT trong quản lý và hỗ trợ các hoạt động dạy - học, nghiên cứu khoa học góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn

2016 - 2020, định hướng đến năm 2025.

- Sở Y tế tiếp tục ứng dụng CNTT trong công tác quản lý nhà nước của ngành; Phối hợp với các bệnh viện tuyến Trung ương triển khai thực hiện các nhiệm vụ trong Đề án bệnh viện vệ tinh; Sử dụng HTTT quản lý tiêm chủng, bệnh truyền nhiễm và bệnh không lây nhiễm được triển khai toàn quốc, với CSDL tập trung tại Trung tâm tích hợp dữ liệu của Bộ Y tế.

- Các cơ quan, đơn vị trong tỉnh tiếp tục sử dụng hiệu quả các ứng dụng, phần mềm CNTT phục vụ công tác chuyên môn tại đơn vị mình.

- Tiếp tục duy trì cung cấp thông tin trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh và các Trang thông tin điện tử của các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố theo Nghị định số 43/2011/NĐ-CP, như: đưa tin, bài phản ánh các hoạt động kinh tế, chính trị, xã hội trên địa bàn tỉnh, trong nước và quốc tế; công bố các văn bản chỉ đạo, điều hành, văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh; các thông tin tuyển dụng, đào tạo; công khai tiến độ giải quyết hồ sơ, văn bản đi, đến của các sở, ban, ngành; đăng tải các dịch vụ công trực tuyến; đồng thời quảng bá về con người, tiềm năng và các thế mạnh của tỉnh; ...

- Tiếp tục hoàn thiện, nâng cao hiệu quả, chất lượng Cổng Dịch vụ hành chính công tỉnh; đẩy mạnh cung cấp DVCTT mức độ 3 và 4 tại các cơ quan quản lý nhà nước để phục vụ người dân và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, theo hướng hiệu quả (tiết kiệm thời gian, chi phí,...), tăng cường tiếp nhận, xử lý hồ sơ trên môi trường mạng, đơn giản hóa hồ sơ, giấy tờ giải quyết TTHC của người dân, doanh nghiệp; tăng số lượng hồ sơ được xử lý trực tuyến đối với các DVC đã được cung cấp trực tuyến mức độ 3, mức độ 4.

6. Bảo đảm an toàn thông tin

Xây dựng, ban hành, thường xuyên rà soát, cập nhật các Kế hoạch, quy chế, quy định về bảo đảm an toàn thông tin mạng trong hoạt động của cơ quan, tổ chức;

Hoàn thành triển khai, nâng cấp và duy trì bảo đảm an toàn thông tin mô hình 4 lớp (Kiện toàn lực lượng tại chỗ; Lựa chọn tối thiểu một tổ chức, doanh nghiệp giám sát, bảo vệ chuyên nghiệp; Định kỳ thực hiện kiểm tra, đánh giá độc lập; Kết nối, chia sẻ thông tin với hệ thống giám sát quốc gia) theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông; áp dụng hệ thống quản lý an toàn thông tin mạng theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật vào hoạt động của cơ quan, tổ chức;

Hoàn thành triển khai, nâng cấp và duy trì Trung tâm giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng (SOC); kết nối và chia sẻ thông tin với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia (Cục An toàn thông tin);

Thường xuyên rà soát, cập nhật, phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin và triển khai phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;

Rà soát hiện trạng, tăng cường đầu tư trang thiết bị và thuê dịch vụ chuyên nghiệp nhằm nâng cao năng lực bảo đảm an toàn thông tin, phòng chống mã độc

theo mô hình tập trung, ưu tiên cho các hệ thống cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân và doanh nghiệp và hệ thống trung tâm dữ liệu;

Định kỳ, đột xuất thực hiện kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin theo quy định của pháp luật;

Xây dựng và triển khai kế hoạch dự phòng, sao lưu dữ liệu, bảo đảm hoạt động liên tục của cơ quan, tổ chức; sẵn sàng khôi phục hoạt động bình thường của hệ thống sau khi gặp sự cố mất an toàn thông tin mạng;

Định kỳ hàng năm tổ chức đào tạo hoặc cử nhân sự chuyên trách/phụ trách về an toàn thông tin/công nghệ thông tin tham gia các khóa đào tạo về quản lý, kỹ thuật về an toàn thông tin;

Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức và trang bị kỹ năng cơ bản về an toàn thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan, tổ chức nhà nước và người dùng Internet trên địa bàn;

Định kỳ hàng năm tổ chức các chương trình diễn tập, tập huấn bảo đảm an toàn thông tin mạng với các phương án, kịch bản phù hợp thực tế cho cán bộ chuyên trách/phụ trách về an toàn thông tin của các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý;

Chỉ đạo các tập đoàn, tổng công ty, doanh nghiệp, tổ chức thuộc phạm vi quản lý thực hiện rà soát, đánh giá, có biện pháp tăng cường bảo đảm an toàn thông tin đối với các hệ thống hạ tầng thông tin, hệ thống điều khiển công nghiệp và các hệ thống thông tin quan trọng khác do doanh nghiệp quản lý, khai thác, vận hành;

Kiện toàn, nâng cao năng lực và duy trì hoạt động thường xuyên của Đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng; tham gia tích cực vào các hoạt động của Mạng lưới ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng quốc gia; tăng cường chia sẻ, cung cấp thông tin về sự cố an toàn mạng;

Bảo đảm tỷ lệ kinh phí chi cho các sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin mạng đạt tối thiểu 10% trong tổng kinh phí triển khai kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin hàng năm, giai đoạn 5 năm và các dự án công nghệ thông tin (trong trường hợp chủ đầu tư chưa có hệ thống kỹ thuật hoặc thuê dịch vụ bảo đảm an toàn thông tin mạng chuyên biệt đáp ứng được các quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ).

Triển khai dịch vụ chứng thực chữ ký số cho các hệ thống thông tin và thiết bị di động để thuận tiện cho việc sử dụng của người dân, doanh nghiệp, cán bộ, công chức, viên chức, các cơ quan nhà nước trong giai đoạn 2019 - 2020, hoàn thiện trong giai đoạn 2021-2025.

Hướng dẫn công tác bảo đảm an toàn thông tin cho các hệ thống nền tảng, hệ thống phục vụ phát triển Chính quyền điện tử của tỉnh; đẩy mạnh triển khai các hoạt động bảo đảm an toàn thông tin theo quy định tại Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ.

Tăng cường tập huấn, diễn tập phòng chống tấn công hệ thống thông tin cho Đội ứng cứu sự cố tỉnh Lai Châu.

7. Phát triển nguồn nhân lực

Chú trọng xây dựng chương trình, tổ chức đào tạo, tập huấn cho các cán bộ, công chức, viên chức về Chính phủ điện tử; Chính quyền điện tử, khai thác sử dụng các hệ thống thông tin, làm việc trên môi trường mạng, sử dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 (đối với người dân, doanh nghiệp).

Xây dựng cơ chế khuyến khích, chính sách ưu đãi để thu hút nhân lực tham gia xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử trong bộ máy nhà nước.

Xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ triển khai, phát triển Chính phủ điện tử.

Huy động các nguồn lực ưu tiên xây dựng Chính quyền điện tử của tỉnh theo hình thức thuê dịch vụ công nghệ thông tin trọn gói do các doanh nghiệp công nghệ thông tin cung cấp, sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành, không sử dụng nguồn vốn vay ODA có điều kiện ràng buộc để triển khai xây dựng hệ thống Chính quyền điện tử.

Tăng cường sự tham gia của doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích trong việc triển khai Chính phủ điện tử; trong việc hỗ trợ các cá nhân, tổ chức, đặc biệt là các cá nhân, tổ chức trên địa bàn xã thực hiện các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4.

Nghiên cứu, học tập kinh nghiệm về xây dựng Chính quyền điện tử với các tỉnh có xếp hạng cao về ứng dụng công nghệ thông tin gắn với xây dựng Chính quyền điện tử.

Thường xuyên tổ chức bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng số, kỹ năng phân tích và xử lý dữ liệu cho cán bộ, công chức, viên chức.

IV. GIẢI PHÁP

1. Giải pháp về truyền thông, nâng cao nhận thức, kỹ năng số, tăng cường tương tác với người dân, doanh nghiệp

- Ứng dụng các kênh truyền thông đa dạng để nâng cao nhận thức, hình thành văn hóa số cho người dân, tạo điều kiện tiếp cận các dịch vụ Chính phủ số; đưa nội dung đào tạo kỹ năng số vào chương trình giảng dạy từ cấp tiểu học;
- Xây dựng/ứng dụng các nền tảng đào tạo kỹ năng số cho người dân;
- Xây dựng/ứng dụng các nền tảng, kênh tương tác trực tuyến giữa cơ quan nhà nước và người dân, doanh nghiệp; phổ cập điện thoại thông minh đến mọi người dân...

2. Giải pháp tài chính

- Thực hiện đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, đảm bảo khả thi về nguồn lực triển khai; ưu tiên tập trung đầu tư các chương trình, dự án quan trọng, cấp thiết phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh.

- Có chính sách thu hút, khuyến khích, tăng cường nguồn lực cho ứng dụng

CNTT trong cơ quan nhà nước.

- Huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực, khai thác các nguồn vốn từ các chương trình, dự án hỗ trợ từ các bộ, ngành trung ương để thực hiện các chương trình, dự án quan trọng, cấp thiết; khuyến khích các doanh nghiệp viên thông trong tình đầu tư phát triển hạ tầng, các dịch vụ CNTT.

- Tăng cường thuê dịch vụ để triển khai ứng dụng CNTT theo các văn bản quy định của nhà nước và pháp luật.

3. Giải pháp gắn kết chặt chẽ ứng dụng CNTT với cải cách hành chính

Triển khai Hệ thống thông tin phục vụ hợp và xử lý công việc của Chính phủ tại Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã.

Tổ chức triển khai Kế hoạch thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

Thực hiện kết nối, tích hợp chia sẻ dữ liệu với Cổng Dịch vụ công quốc gia thông qua cơ chế đăng nhập một lần từ Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Kết nối hệ thống quản lý văn bản và điều hành kết nối với Cổng dịch vụ công.

4. Giải pháp tổ chức, triển khai

Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp, các ngành từ tỉnh đến cơ sở đối với nhiệm vụ phát triển công nghệ thông tin một cách thiết thực, hiệu quả; đưa yêu cầu, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm. Đề cao tinh thần trách nhiệm, tính quyết liệt trong lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành của người đứng đầu cấp ủy, cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc tổ chức, thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ về phát triển công nghệ thông tin tại ngành mình, cấp mình.

Đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò của ứng dụng công nghệ thông tin gắn với xây dựng Chính quyền điện tử trong công tác lãnh đạo, quản lý và hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị. Từ đó có sự chỉ đạo và thực hành quyết liệt của lãnh đạo để hỗ trợ và ủng hộ các chương trình, kế hoạch của ứng dụng công nghệ thông tin gắn với xây dựng Chính quyền điện tử ở các cấp, các ngành.

V. LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

Phụ lục II: Danh mục nhiệm vụ, dự án giai đoạn 2021 - 2025.

VI. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động cơ quan nhà nước, phát triển chính quyền số giai đoạn 2016 - 2020: Sử dụng nguồn ngân sách nhà nước, hợp tác công tư và xã hội hóa.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Chỉ đạo xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh

Chỉ đạo các cấp, các ngành quán triệt, thực hiện kịp thời, có hiệu quả nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng chính quyền điện tử, phát triển chính quyền số trên địa bàn, đảm bảo đạt được các mục tiêu theo tiến độ đề ra.

2. Sở Thông tin và Truyền thông

- Chủ trì tham mưu cho UBND tỉnh triển khai có hiệu quả nội dung Kế hoạch này. Phối hợp với các cơ quan liên quan đơn đốc, hướng dẫn, kiểm tra các cấp, các ngành thực hiện Kế hoạch; tổng hợp kết quả báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

- Chỉ đạo các cơ quan báo chí, Công thông tin điện tử, Đài Truyền thanh - Truyền hình cấp huyện xây dựng kế hoạch tuyên truyền về ứng dụng CNTT công tác bảo đảm an toàn, an ninh thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

- Thực hiện thẩm định các dự án ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước.

- Chủ trì, phối hợp với Bưu điện tỉnh nghiên cứu giảm giá cước dịch vụ bưu chính công ích phù hợp điều kiện của tỉnh, nghiên cứu việc phối hợp triển khai giữa Bưu điện tỉnh với cơ quan nhà nước trong việc hướng dẫn, tiếp nhận, trả kết quả, thu phí giải quyết TTHC.

- Chủ trì lập dự toán gửi Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định trình UBND tỉnh cân đối, bố trí ngân sách cho hoạt động ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin để triển khai Kế hoạch này.

3. Sở Tài chính

Trên cơ sở dự toán của các cơ quan, đơn vị, UBND các huyện, thành phố đề xuất; Sở Tài chính căn cứ khả năng cân đối ngân sách tổng hợp, tham mưu, trình UBND tỉnh bố trí kinh phí để thực hiện ứng dụng và phát triển CNTT trong hoạt động của các cơ quan nhà nước tỉnh Lai Châu.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với Sở tài chính, Sở Thông tin và Truyền thông cân đối, bố trí vốn đầu tư phát triển theo kế hoạch trung hạn và hàng năm để thực hiện các chương trình, dự án, kế hoạch ứng dụng và phát triển CNTT trong hoạt động của các cơ quan nhà nước tỉnh Lai Châu.

5. Sở Nội vụ

- Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các Sở, ban, ngành liên quan tham mưu cho UBND tỉnh xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực CNTT từ tỉnh đến cơ sở; góp phần đẩy mạnh chương trình cải cách hành chính, ứng dụng CNTT trong hoạt động của các cơ quan nhà nước.

- Thực hiện có hiệu quả chương trình tổng thể cải cách hành chính gắn với tăng cường ứng dụng CNTT.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu, trình Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh cho ý kiến về việc ban hành chính sách thu hút và đãi

ngộ, chế độ phụ cấp đặc thù đối với cán bộ, công chức làm CNTT trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

6. Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thành phố

- Ban hành Kế hoạch ứng dụng CNTT giai đoạn 2021 - 2025 của cơ quan, đơn vị và địa phương, trong đó tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo Kế hoạch Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin, giai đoạn 2021-2025 của UBND tỉnh.

- Phối hợp chặt chẽ với Sở Thông tin và Truyền thông và các sở, ban, ngành liên quan trong quá trình tổ chức thực hiện các chương trình, dự án.

Trên đây là Kế hoạch Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin tỉnh Lai Châu, giai đoạn 2021-2025./.

Nơi nhận:

- Bộ Thông tin và Truyền thông (b/c);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Lưu: VT, KSTT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Tổng Thanh Hải

Phụ lục I
TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI CÁC NHIỆM VỤ TRONG KẾ HOẠCH ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN NHÀ NƯỚC TỈNH LAI CHÂU, GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày tháng năm 2020 của UBND tỉnh Lai Châu)

Đơn vị tính: VN đồng

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Kinh phí	Nguồn kinh phí	Đơn vị thực hiện	Tình hình thực hiện
1.	Nâng cấp phần mềm quản lý cán, bộ, công chức, viên chức	1.455.000.000	Nguồn thường xuyên	Sở Nội vụ	Đang thực hiện
2.	Hệ thống quản lý đô thị thông minh	9.700.000.000	Nguồn sự nghiệp có tính chất đầu tư	Thành phố Lai Châu	Đang thực hiện
3.	Màn hình LED phục vụ hội nghị trực tuyến tại các xã	3.184.145.000	Nguồn sự nghiệp	Thành phố Lai Châu	Đã thực hiện
4.	Duy trì nâng cấp Trang thông tin điện tử Thành phố	98.000.000	Nguồn sự nghiệp	Thành phố Lai Châu	Đã thực hiện
5.	Hội nghị truyền hình trực tuyến	1.160.182.000	Ngân sách không tự chủ	UBND huyện Than Uyên	Đã thực hiện
6.	Đầu tư, nâng cấp hệ thống máy tính, máy Scan	478.000.000	Ngân sách không tự chủ	UBND huyện Than Uyên	Đã thực hiện
7.	Duy trì, nâng cấp Trang TTĐT huyện	44.000.000	Ngân sách không tự chủ	UBND huyện Than Uyên	Đã thực hiện
8.	Bồi dưỡng chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản theo Thông tư 03/2014/TT-BTTTT	150.000.000	Ngân sách không tự chủ	UBND huyện Than Uyên	Đã thực hiện
9.	Thông báo văn bản đến trên thiết bị Thông tin di động	13.636.364	Ngân sách không tự chủ	UBND huyện Than Uyên	Đã thực hiện
10.	Cổng thông tin điện tử tỉnh	200.000.000	Nguồn thường xuyên	VPUBND tỉnh	Đã thực hiện

11.	Đường truyền số liệu chuyên dụng cấp 2 phục vụ hội nghị truyền hình trực tuyến	700.000.000	Nguồn thường xuyên	VPUBND tỉnh	Đã thực hiện
12.	Xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý đất đai huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu.	19.600.000.000	- Nguồn vốn Trung ương hỗ trợ 80% - Ngân sách tỉnh 20%	Sở Tài nguyên và Môi trường	Đang thực hiện
13.	Xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý đất đai huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu.	2.184.000.000	- Nguồn vốn Trung ương hỗ trợ 80% - Ngân sách tỉnh 20%	Sở Tài nguyên và Môi trường	Đang thực hiện
14.	Dự án xây dựng hệ thống thông tin dữ liệu về công tác dân tộc tỉnh Lai Châu giai đoạn 2019 -2020.	1.380.000.000	Nguồn chi thường xuyên kinh phí không tự chủ	Ban Dân tộc	Đã thực hiện
15.	Thuê phần mềm quản lý văn bản điều hành điện tử	1.299.000.000	Nguồn thường xuyên	Sở Thông tin và Truyền thông	Đã thực hiện
16.	Triển khai đường truyền số liệu chuyên dùng cấp II cho các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh	1.721.000.000	Nguồn thường xuyên	Sở Thông tin và Truyền thông	Đã thực hiện
17.	Lắp đặt hệ thống phát hiện và cảnh báo tấn công, ngăn chặn, đảm bảo an toàn, an ninh thông tin tại Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh	3.250.000.000	Nguồn thường xuyên	Sở Thông tin và Truyền thông	Đã thực hiện
18.	Lắp đặt hệ thống sao lưu phục hồi dữ liệu tại Trung tâm	1.700.000.000	Nguồn thường xuyên	Sở Thông tin và Truyền thông	Đã thực hiện
19.	Chuyển đổi chuẩn hóa tạo lập cơ sở dữ liệu (bổ sung)	2.500.000.000	Nguồn thường xuyên	Sở Thông tin và Truyền thông	Đã thực hiện
20.	Thuê đường truyền trung tâm dữ liệu công thông tin, Mua bản quyền phần mềm thiết bị bảo mật cho hệ thống thư điện tử công vụ tỉnh Lai Châu năm 2020	630.000.000	Nguồn thường xuyên	Sở Thông tin và Truyền thông	Đã thực hiện
21.	Bảo trì hệ thống Trung tâm tích hợp và duy trì ứng dụng CNTT tại trung tâm dữ liệu	100.000.000	Nguồn thường xuyên	Sở Thông tin và Truyền thông	Đã thực hiện
22.	Hệ thống giám sát thông tin trực tuyến	275.000.000	Nguồn thường xuyên	Sở Thông tin và	Đã thực hiện

				Truyền thông	
23.	Triển khai thí điểm Ipv6	100.000.000	Nguồn thường xuyên	Sở Thông tin và Truyền thông	Đang thực hiện
24.	Diễn tập an toàn thông tin	90.000.000	Nguồn thường xuyên	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Thông tin và Truyền thông
25.	Đầu tư mua sắm, nâng cấp trang thiết bị CNTT, phần mềm phục vụ ứng dụng CNTT, bảo đảm an toàn thông tin tại các các sở, ban, ngành, UBND các huyện thành phố.	3.026.215.000	Ngân sách Tỉnh/Huyện, Thành phố	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND huyện, thành phố.	Đang thực hiện
26.	Xây dựng Cổng dịch vụ công trực tuyến tích hợp Một cửa điện tử, đảm bảo cung cấp dịch vụ công mức độ 3, 4 phục vụ người dân và doanh nghiệp, có khả năng kết nối liên thông với Cổng dịch vụ công trực tuyến của Văn phòng Chính phủ, của Bộ - Ngành .	5.518.047.699	Ngân sách tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Đang thực hiện
27.	Tiếp tục Hoàn thiện kết nối liên thông hệ thống quản lý văn bản và điều hành điện tử 03 cấp chính quyền và kết nối với trực liên thông văn bản quốc gia (4 cấp).	1.288.936.000	Ngân sách tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Đã hoàn thiện
28.	Tiếp tục triển khai và đẩy mạnh sử dụng chữ ký số, chứng thư số trong cơ quan nhà nước.	152.500.000	Ngân sách tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Đang thực hiện
29.	Thực hiện các nhiệm vụ trong Chính quyền điện tử, chuyển đổi cơ sở dữ liệu và chuẩn hóa quy trình dịch vụ công trực tuyến.	1.500.000.000	Ngân sách Trung ương	Sở Thông tin và Truyền thông	Đang thực hiện
30.	Xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu ngành, lĩnh vực: lao động, thương binh và xã hội; dân tộc, đất đai...	22.736.690.000	Ngân sách tỉnh, Ngân sách TW	Sở, ban, ngành tỉnh;	Đang thực hiện
31.	Thuê đường truyền Internet duy trì hoạt động của Trung tâm Dữ liệu tỉnh Lai Châu.	740.510.000	Ngân sách Tỉnh/Huyện, Thành phố	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND huyện, thành phố.	Đã thực hiện

32.	Đầu tư mua sắm, nâng cấp trang thiết bị CNTT, phần mềm phục vụ ứng dụng CNTT, bảo đảm an toàn thông tin tại các các sở, ban, ngành, UBND các huyện thành phố . (Than Uyên, Sở KH & ĐT...)	1.185.182.100	Ngân sách Tỉnh/Huyện, Thành phố	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND huyện, thành phố.	Đang thực hiện
33.	Nâng cấp phần mềm Quản lý cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Lai Châu	1.560.547.515	Ngân sách tỉnh	Sở Nội vụ	Đang thực hiện
TỔNG		87.329.822.188			

Phụ lục II
DANH MỤC MỘT SỐ NHIỆM VỤ, DỰ ÁN ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025
(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày tháng năm 2020 của UBND tỉnh Lai Châu)

STT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu, nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian dự kiến thực hiện	Dự kiến kết quả đạt được
1.	Thuê hệ thống QLVB & ĐH	- Thuê phần cứng và phần mềm - Bảo đảm duy trì, vận hành hệ thống - Nâng cấp chức năng lưu trữ theo quy định về văn thư, lưu trữ - Nâng cấp các chức năng phục vụ gửi nhận liên thông theo yêu cầu của Chính phủ - Kết nối với LGSP	Sở Thông tin và Truyền thông	Văn phòng UBND tỉnh, các Sở	2021 - 2025	Dịch vụ CNTT: Hệ thống QLVB & ĐH
2.	Thuê Hệ thống thông tin Báo cáo	- Thuê phần cứng và phần mềm - Bảo đảm duy trì, vận hành hệ thống - Nâng cấp, chỉnh sửa chức năng để đáp ứng nhu cầu kết nối, nhu cầu của người sử dụng - Kết nối với LGSP/NGSP, hệ thống báo cáo Chính phủ - Mở rộng phạm vi, nội dung báo cáo theo	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành	2021- 2025	Dịch vụ CNTT: Hệ thống báo cáo

STT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu, nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian dự kiến thực hiện	Dự kiến kết quả đạt được
		yêu cầu của Chính phủ				
3.	Thuê Hệ thống hợp và xử lý công việc	- Thuê phần cứng và phần mềm - Bảo đảm duy trì, vận hành hệ thống - Bảo đảm khả năng kết nối với hệ thống hợp của Chính phủ (e-cabinet)	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành	2021- 2025	Dịch vụ CNTT: Hệ thống hợp và xử lý công việc
4.	Thuê Cổng thông tin điện tử tỉnh	- Thuê phần cứng và phần mềm - Bảo đảm duy trì, vận hành hệ thống - Bảo đảm nội dung - Nâng cấp các chức năng đáp ứng các quy định về trang/cổng thông tin điện tử khi cần thiết	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tài chính	2021-2025	Dịch vụ CNTT: Cổng thông tin điện tử tỉnh
5.	Duy trì thư công vụ	- Mua phần cứng và phần mềm - Bảo đảm duy trì, vận hành hệ thống - Xử lý sự cố	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở, ban, ngành	2021-2025	Hệ thống thư công vụ tỉnh
6.	Thuê Cổng DVCTT tích hợp một cửa điện tử tỉnh	- Thuê phần cứng và phần mềm - Bảo đảm duy trì, vận hành hệ thống - Nâng cấp, chỉnh sửa chức năng để đáp ứng nhu cầu kết nối, nhu cầu của người sử	Văn phòng UBND tỉnh	Các Sở, ban, ngành	2021-2025	Dịch vụ CNTT: Cổng DVCTT tích hợp một cửa điện tử tỉnh

STT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu, nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian dự kiến thực hiện	Dự kiến kết quả đạt được
		dụng - Nâng cấp, chỉnh sửa chức năng để đáp ứng các quy định của pháp luật (khi có quy định mới) - Kết nối với LGSP/NGSP để khai thác, chia sẻ dữ liệu				
7.	Thuê Đường truyền số liệu chuyên dùng	Bảo đảm tốc độ và khả năng kết nối	Sở Thông tin và Truyền thông	Các đơn vị liên quan	2021-2025	Dịch vụ CNTT: Đường truyền số liệu chuyên dùng
8.	Triển khai Ipv6	Nâng cấp phần cứng, phần mềm, thiết bị chưa tương thích	Sở Thông tin và Truyền thông	Các đơn vị liên quan	2021-2023	Ipv6 đưa vào sử dụng trên phạm vi toàn tỉnh
9.	Đầu tư mua sắm, nâng cấp trang thiết bị CNTT, phần mềm phục vụ ứng dụng CNTT, bảo đảm		Các Sở, ban, ngành	Sở Tài chính	2021-2023	Trang thiết bị CNTT, phần mềm phục vụ ứng dụng CNTT, bảo đảm an toàn thông tin

STT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu, nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian dự kiến thực hiện	Dự kiến kết quả đạt được
	an toàn thông tin tại các các sở, ban, ngành, UBND các huyện thành phố					
10.	Đầu tư hệ thống SOC, IOC	- Mua sắm phần cứng, phần mềm giải pháp SOC, IOC - Cài đặt, kết nối SOC, IOC với các hệ thống cần giám sát - Đào tạo, chuyển giao	Sở Thông tin và Truyền thông, VP UBND tỉnh	Các đơn vị liên quan	2022-2025	Trung tâm giám sát chính quyền điện tử và đô thị thông minh (IOC) và an toàn thông tin (SOC)
11.	Xây dựng kho cơ sở dữ liệu và cơ sở dữ liệu lưu trữ hiện hành	- Mua sắm bổ sung phần cứng, giấy phép bản quyền phần mềm, hệ quản trị - Thu thập, số hóa, tạo lập cơ sở dữ liệu - Kết nối với các phần mềm nghiệp vụ, chuyên ngành	Sở Thông tin và Truyền thông	Các đơn vị liên quan	2022-2025	Kho cơ sở dữ liệu hiện hành
12.	Xây dựng kho cơ sở dữ liệu và cơ sở dữ liệu lưu	- Mua sắm bổ sung phần cứng, giấy phép bản quyền phần mềm, hệ quản trị - Thu thập, số hóa, tạo lập cơ sở dữ liệu	Sở Nội vụ	Các đơn vị liên quan	2021-2024	Kho cơ sở dữ liệu lịch sử

STT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu, nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian dự kiến thực hiện	Dự kiến kết quả đạt được
	trữ lịch sử	- Kết nối với các phần mềm nghiệp vụ, chuyên ngành				
13.	Xây dựng cơ sở dữ liệu văn hóa	- Mua sắm bổ sung phần cứng, giấy phép bản quyền phần mềm, hệ quản trị - Thu thập, số hóa, tạo lập cơ sở dữ liệu - Kết nối với các phần mềm nghiệp vụ, chuyên ngành	Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch	Các đơn vị liên quan	2021-2023	Cơ sở dữ liệu văn hóa
14.	Xây dựng cơ sở dữ liệu du lịch	- Mua sắm bổ sung phần cứng, giấy phép bản quyền phần mềm, hệ quản trị - Thu thập, số hóa, tạo lập cơ sở dữ liệu - Kết nối với các phần mềm nghiệp vụ, chuyên ngành	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các đơn vị liên quan	2021-2023	Cơ sở dữ liệu du lịch
15.	Xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai	- Mua sắm bổ sung phần cứng, giấy phép bản quyền phần mềm, hệ quản trị - Thu thập, số hóa, tạo lập cơ sở dữ liệu - Kết nối với các phần mềm nghiệp vụ, chuyên ngành	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các đơn vị liên quan	2022-2025	Cơ sở dữ liệu đất đai
16.	Xây dựng cơ sở	- Mua sắm bổ sung phần cứng, giấy phép	Văn phòng	Các đơn vị liên	2021-2025	Cơ sở dữ liệu về

STT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu, nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian dự kiến thực hiện	Dự kiến kết quả đạt được
	dữ liệu Thủ tục hành chính	bản quyền phần mềm, hệ quản trị - Thu thập, số hóa, tạo lập cơ sở dữ liệu - Kết nối với các phần mềm nghiệp vụ, chuyên ngành	UBND tỉnh	quan		TTHC
17.	Bảo đảm ATTT	- Xây dựng các phương án bảo đảm ATTT - Xây dựng các phương án quản lý ATTT - Tổ chức xây dựng và triển khai kế hoạch ứng phó sự cố bảo đảm ATTT	Sở Thông tin và Truyền thông	Các đơn vị liên quan	2021-2023	Kác phương án bảo đảm ATTT Kế hoạch ứng phó sự cố bảo đảm ATTT Các phương án quản lý ATTT
18.	Bảo đảm hạ tầng trung tâm dữ liệu	- Quy hoạch tổng thể phân các vùng mạng, lưu trữ, dự phòng - Quy hoạch mạng diện rộng của tỉnh - Mua sắm bổ sung phần cứng (máy chủ, thiết bị mạng, thiết bị an toàn bảo mật, thiết bị lưu trữ)	Sở Thông tin và Truyền thông	Các đơn vị liên quan	2021-2025	Trung tâm dữ liệu bảo đảm hoạt động và ATTT

STT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu, nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian dự kiến thực hiện	Dự kiến kết quả đạt được
		- Triển khai IP v6.				
19.	Xây dựng, hoàn thiện LGSP	- Xây dựng các phần mềm nền tảng, phần mềm vận hành của LGSP; - Xây dựng, nâng cấp API kết nối với NGSP; - Xây dựng, nâng cấp các API kết nối với các hệ thống nội bộ nhằm đáp ứng nghiệp vụ; - Mua sắm phần cứng (hoặc nâng cấp cấu hình đối với thuê dịch vụ) để bảo đảm hiệu năng và an toàn bảo mật.	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Văn phòng UBND tỉnh	2021-2023	LGSP cấp tỉnh
20.	Xây dựng và triển khai thực hiện phần mềm quản lý di sản tỉnh Lai Châu	- Xây dựng thành công hệ thống dữ liệu khoa học về tất cả các di tích lịch sử, văn hóa và di sản văn hóa phi vật thể có trên địa bàn. - Giúp các cấp quản lý nhanh chóng nắm	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	Sở Thông tin và Truyền thông	Năm 2021	Phần mềm quản lý các di sản trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

STT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu, nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian dự kiến thực hiện	Dự kiến kết quả đạt được
		bắt được các dữ liệu về di sản văn hóa hỗ trợ quá trình đưa ra các chính sách, kế hoạch bảo tồn, tôn tạo di tích.				
21.	Thiết lập hệ thống quản lý dữ liệu về chăn nuôi, thủy sản trên địa bàn tỉnh Lai Châu	- Xây dựng hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu quản lý về nuôi trồng thủy sản, quan trắc, cảnh báo môi trường, dịch bệnh thủy sản, giống thủy sản; - Tập trung, liên kết, tích hợp chia sẻ dữ liệu và trao đổi thông tin với hệ thống CSDL quốc gia về Thủy sản của Bộ NN & PTNT.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Thông tin và Truyền thông	Năm 2021	Hệ thống quản lý dữ liệu về chăn nuôi, thủy sản tỉnh Lai Châu.

Ghi chú: Các dự án mới trước khi thực hiện phải được sự đồng ý về chủ trương bằng Văn bản của UBND tỉnh.